

**Tiếng Anh 7**  
**Tuần 14**

**UNIT 7: THE WORLD OF WORK**  
**PART A: A STUDENT'S WORK**

**I. NEW WORDS**

1. be late for school(exp)	: trễ học
2. quite(adv)	: tương đối, khá
3. last(v)	: kéo dài
4. vacation= holiday(n)	: kì nghỉ
5. almost(adv)	: gần như, hầu như
6. during(preposition)	: trong suốt
7. hear(v)	: nghe thấy
8. really(adv)	: thật sự, thực sự
-> real(a)	
9. true(a)	: đúng, thật # false: sai, không đúng
10. Easter(n)	: lễ phục sinh
11. Thanksgiving(n)	: lễ Tạ Ơn
12. Christmas(n)	: lễ Giáng sinh
13. public holiday(n)	: ngày lễ
14. take a look at= look at	: nhìn ngắm, xem
15. typical(a)	: điển hình, tiêu biểu
16. period(n)	: tiết học
17. keen(a)	: thông minh, sắc sảo, mau hiểu
18. review(v)	: ôn lại
19. hour(n)	: tiếng đồng hồ
20. definitely(adv)	: chắc chắn, nhất định
-> definite(a)	
21. lazy(a)	: lười biếng

**II. REMEMBER**

**1. Adverbs of frequency: Trạng từ chỉ tần suất**

**Always, usually, often, sometimes, rarely, never**

Dùng để chỉ mức độ thường xuyên xảy ra của một sự việc hay hoạt động nào đó. Trạng từ này diễn tả một thói quen và những hoạt động lặp đi lặp lại nên thường được sử dụng trong thì hiện tại đơn.

Trạng từ chỉ tần suất được dùng để trả lời câu hỏi với: "How often?" (Có...thường?).

Ex : We sometimes go to the beach.(Thỉnh thoảng chúng tôi đi biển.)

Trạng từ chỉ tần suất đứng ở 3 vị trí sau:

**\* trước động từ thường**

Ex: she always does her housework in the evening

**\* sau động từ tobe**

Ex: She is never late for school

**\* Giữa trợ động từ và động từ chính**

Ex: he has never been abroad

## 2. Compound adjective: Tính từ ghép

Tính từ ghép có thể được thành lập bằng cách kết hợp một con số và một danh từ đếm được. Danh từ của tính từ ghép luôn ở hình thức số ít và được kết nối với con số bằng dấu gạch ngang

Ex: một kì nghỉ 3 tuần ; a three- week summer vacation

Ex: Students have a **break** that last **fifteen minutes**

Students have a **fifteen minute- break**

(A/an) + số lượng + danh từ chỉ đơn vị ( số ít) - + Danh từ
---

### III. EXERCISE

#### EX1: Tick (v) the best options to complete the following sentences

- You will be late .....school  
a. at                      b. for                      c. in
- Their summer vacation starts .....June  
a. in                      b. on                      c. at
- Hoa will see her parents .....their farm  
a. on                      b. at                      c. in
- Hoa likes .....her parents with their farm  
a. helps                      b. helping                      c. help
- Hoa's friends is interested .....writing letters  
a. on                      b. in                      c. for
- The .....vacation is in the summer  
a. longer                      b. longest                      c. long
- Vietnamese students have .....vacation than American students  
a. few                      b. fewer                      c. fewest
- Students have to .....their work before tests  
a. do                      b. review                      c. learn
- The mechanic repairs .....in the factory  
a. things                      b. machines                      c. furniture
- Their family often go to the seaside .....vacation  
a. in                      b. at                      c. on

#### EX2: Write them into compound adjectives

- A summer vacation lasts three months: .....
- A tour lasts six days: .....
- A rest lasts ten minutes : .....
- A stamp costs five hundred dong : .....
- A report long three pages : .....
- A class lasts two periods : .....

#### EX3: Rewrite the sentence in such a way that it means nearly the same as the one above

- Tim's father has more vacations than Hoa's father  
-> Hoa's father has .....

2. Why don't we go to the cafeteria?  
-> What about.....?
3. Mai drinks more milk than her brother  
-> Mai's brother drinks .....
4. The blue hat is more expensive than the yellow hat  
-> The yellow hat is.....
5. We will have a vacation that lasts three months  
-> We will have a .....
6. Nam will visit his grandparents tonight  
-< Nam is.....